

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NĐ
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 634/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15-12-2020
V/v: Ly hôn giữa chị H và anh B

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- Ông Lê Quang Bảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thu Hằng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố NĐ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên

Ngày 15-12-2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 514/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-11-2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1970; nơi cư trú tại: Số nhà 3/77 đường LHS, phường CB, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1964; nơi cư trú tại: Số nhà 3/77 đường LHS, phường CB, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa chị H có mặt, anh B vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn năm 1990 tại Ủy ban nhân dân phường CB, thành phố NĐ. Vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh B không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên cờ bạc, lơ đãng dẫn đến nợ nần, kinh tế gia đình khó khăn. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh B không thay đổi. Từ cuối năm 2014 vợ chồng chị sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Về con chung : Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn D, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1998. Hai con chung đã trưởng thành, tự lập nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, nhà đất và công nợ chung và các loại tài sản khác : Chị H không yêu cầu giải quyết.

Tổ trưởng tổ dân phố số 8, phường CB, thành phố ND xác nhận vợ chồng chị H và anh B có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được và đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên : Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị xử lý hôn giữa chị H và anh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thanh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh B đều vắng mặt, không có lý do; vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân : Chị H và anh B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn năm 1990 tại UBND phường CB, thành phố ND, nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh B không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên chơi lô đề, cờ bạc, dẫn đến nợ nần nhiều làm ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình. Chính quyền địa phương cũng xác nhận vợ chồng chị H và anh B có mâu thuẫn. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ quan điểm xin ly hôn. Anh B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình không đến giải quyết vì vậy xác định anh B không có thiện trí giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ . Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng , mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử lý hôn giữa chị H và anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị H và anh B có hai con chung là Nguyễn Văn D, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1998. Hiện nay các con đã trưởng thành, có khả năng tự lập nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, nhà đất và công nợ chung và các loại tài sản khác : Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân : Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Thanh B;

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003276 ngày 20-10-2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố ND.

3. Chị Bùi Thị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Thanh B có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố ND;
- Chi cục THADS TP. ND;
- UBND P. CB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Công Khánh

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Công Khánh